TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2019/DS-PT
Ngày: 02 – 7 – 2019
V/v tranh chấp đòi lại
quyền sử dụng đất *(Ranh đất)*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hoàng Thành.

Ông Nguyễn Văn Dũ.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Kiều Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân nhân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thanh Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/2018/TLPT-DS ngày 28 tháng 8 năm 2018 về việc tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất (Ranh đất).

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2018/DS-ST ngày 18/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 130/2018/QĐ-PT ngày 03 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị H, sinh năm 1957; cư trú tại: Số nhà 195, ấp Đ, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Bạch Sỹ C, Luật sư của Văn phòng luật sư BSC, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị B, sinh năm 1950; cư trú tại: Số nhà 200, ấp Đ, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Dương Thị T, sinh năm 1970 (Vắng mặt).

2. Ông Dương Văn Sung E, sinh năm 1985 (Vắng mặt).

3. Bà Dương Thị Út M, sinh năm 1984 (Vắng mặt).

4. Ông Dương Văn Công S, sinh năm 1986 (Có mặt).

Cùng cư trú tại: Ấp Đ, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

5. Bà Dương Thị I, sinh năm 1972; cư trú tại: Ấp A, xã L, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

6. Bà Dương Thị A, sinh năm 1974; cư trú tại: Số nhà 666, ấp N, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

7. Bà Dương Thị O, sinh năm 1979; cư trú tại: Ấp N, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt).

- *Người làm chứng:* Ông Dương Văn G, sinh năm 1941; cư trú tại: Ấp Đ, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Trần Thị H là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- *Theo đơn khởi kiện ngày 07/4/2014 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:*

Bà có sử dụng thửa đất 287, tờ bản đồ số 03, diện tích 8.020m^2 tọa lạc ấp Đ, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, do hộ ông Phạm Văn U (Là chồng của bà, hiện nay đã chết) đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được cấp năm 1997; phần đất này giáp ranh với thửa 278 của bà Huỳnh Thị B và thửa 279 liền kề của ông Dương Văn G. Trong quá trình sử dụng, bà B đã lấn chiếm qua đất của bà tại ranh có chiều ngang 4m, dài 78m; ông G lấn chiếm chiều ngang 4,5m, dài 22m. Đến ngày 05/5/2016, bà có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần tranh chấp với ông G.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 45/2016/DS-ST ngày 08/6/2016 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách đã tuyên: Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà đối với bị đơn ông G. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà về việc đòi bị đơn bà B phải trả phần đất có chiều ngang 4,5m, dài khoảng 78m tại phần giáp ranh giữa hai thửa 287 và 278, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp Đ, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Ghi nhận sự đồng ý trên tinh thần tự nguyện của bị đơn bà B trong việc xác định ranh đất với bà.

Tại bản án phúc thẩm số 230/2016/DS-PT ngày 23/11/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã tuyên: Hủy một phần bản án sơ thẩm số 45/2016/DS-ST ngày 08/6/2016 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách đã xét xử vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất có nguyên đơn là bà và bị đơn bà B. Chuyển hồ sơ về cho Tòa án nhân dân huyện Kế Sách để giải quyết lại theo thủ tục chung.

Tòa án nhân dân huyện Kế Sách thụ lý lại một phần yêu cầu của bà theo đơn khởi kiện ngày 07/4/2014 như sau: Bà yêu cầu bà B trả lại cho bà phần đất có chiều ngang 4m, dài 78m, thuộc thửa 287, tờ bản đồ 03, tọa lạc ấp Đ, xã T, huyện K, tỉnh

Sóc Trăng. Nay bà vẫn giữ yêu cầu buộc bà B trả lại cho bà phần đất có chiều ngang 4m, dài 78m, thuộc thửa 287 nêu trên. Ngoài ra, bà không đồng ý theo yêu cầu của bà B về việc xác định ranh đất theo 02 hướng: Thứ nhất, phía sau từ ranh đất giáp với ông Năm G kéo thẳng ra trụ đá phía trước lộ đất đã có trụ đá. Thứ hai, chấp nhận các trụ mà Thẩm phán Tòa án cùng bà bà và bà B đã cắm trước đây làm ranh đất giữa bà và bà B (Có sơ đồ trong hồ sơ).

- *Bị đơn bà Huỳnh Thị B trình bày:*

Thửa đất 278 cấp cho hộ ông Dương Văn X (Là chồng của bà, hiện nay đã chất). Hàng thừa kế thứ nhất của ông X gồm: Cha đẻ tên Dương Ngọc D và mẹ đẻ Phạm Thị Z (Đều đã chết), cha nuôi và mẹ nuôi (Không có), vợ tên Huỳnh Thị B, các con gồm có Dương Thị T, sinh năm 1970; Dương Văn Sung E, sinh năm 1985; Dương Thị Út M, sinh năm 1984; Dương Văn Công S, sinh năm 1986, cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng; Dương Thi I, sinh năm 1972, địa chỉ: Ấp A, xã L, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, Dương Thị A, sinh năm 1974, địa chỉ: Số nhà 666, ấp N, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, bà Dương Thị O, sinh năm 1979, địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Hiện tại thửa đất 287 do bà và 02 con là Sung E với Công S đang quản lý, sử dụng, những người con khác không trực tiếp sử dụng.

Gia đình bà không có lấn đất của bà H. Bà chỉ đồng ý kéo ranh đất giữa bà với bà H từ trụ đá giáp đất của bà với bà H và ông Năm G thẳng đến trụ đá giáp lộ đất phía trước nhà làm ranh giữa bà và bà H. Bà H yêu cầu bà trả phần đất lấn chiếm chiều ngang 04m chiều dài 78m bà không đồng ý.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà đồng ý xác định ranh đất giữa bà với bà H theo 02 hướng: Thứ nhất, phía sau từ ranh đất giáp với ông Năm G kéo thẳng ra trụ đá phía trước lộ đất đã có trụ đá. Thứ hai, chấp nhận các trụ mà Thẩm phán Tòa án cùng bà với bà H đã cắm trước đây làm ranh đất giữa bà và bà H (Có sơ đồ trong hồ sơ).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn Công S trình bày:* Ông thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của mẹ ông là bà Huỳnh Thị B.

Sự việc đã được Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết tại bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2018/DS-ST ngày 18/7/2018 đã quyết định:

Áp dụng các Điều 26, 35, 147, 165, 228, 229, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; áp dụng các Điều 166, 170, 203 Luật đất đai năm 2013; áp dụng Điều 166 Bộ luật Dân sự 2015; áp dụng khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H về việc yêu cầu bị đơn bà Huỳnh Thị B trả lại cho bà phần đất lấn chiếm có chiều ngang 4m, dài 78m, thuộc thửa 287, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp Đ, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, do hộ ông Phạm Văn U đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/7/2018, nguyên đơn bà Trần Thị H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 33/2018/DS-ST ngày 18/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách,

tỉnh Sóc Trăng. Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà, vì tại phiên tòa bà B đưa ra 02 hướng giải quyết thì hướng giải quyết nào cũng thể hiện có sự lấn ranh sang đất của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không rút đơn kháng cáo và cho rằng bà tranh chấp với bà B từ năm 2007 đến nay, trước đây bà nghe chồng bà nói lại cái mương do cha chồng bà đào có chiều ngang 02m, nay bị sạt lở lớn hơn rất nhiều; việc cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho chồng bà là cấp đại trà không có đo đạc nên không biết ranh đất tới đâu. Nay bà yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc bà B và các con gồm Sung E với Công S trả lại cho bà phần đất lấn chiếm theo số đo thực tế của Tòa án cấp phúc thẩm ngày 22/02/2019, khi Tòa án giải quyết cây trồng nằm bên đất của ai thì người đó sử dụng; phía bị đơn bà B không đồng ý với yêu cầu khởi kiện trả đất của nguyên đơn và không có yêu cầu giải quyết cây trồng trên đất, khi Tòa án giải quyết cây trồng nằm bên đất của ai thì người đó sử dụng; các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng tại phiên tòa các bên đương sự đều thừa nhận ranh đất giữa bà H và bà B là hai đường thẳng có điểm gấp khúc, đường thẳng thứ nhất từ trụ đá giáp lộ đến cọc cây thứ 4 có số đo 25,18m, đường thẳng thứ hai từ cọc cây thứ 4 đến trụ đá giáp với o6nn Năm Thông phía sau như sơ đồ Tòa án đã thẩm định ngày 22/01/2019, nên đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự là chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng là trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm thì Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng. Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định pháp luật có liên quan đề nghị không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bà H và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử *(HĐXX)* nhận định:

[1] Tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị T, ông Dương Văn Sung E, bà Dương Thị Út M, bà Dương Thị I, bà Dương Thị A, bà Dương Thị O đều vắng mặt không rõ lý do, nên HĐXX căn cứ vào Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về người kháng cáo, nội dung, hình thức đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo của bà Trần Thị H là đúng quy định tại Điều 271, Điều 272 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo hợp lệ, được Tòa án chấp nhận và tiến hành xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bà Trần Thị H về việc yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết buộc bà B và các con gồm Sung E với Công S trả lại cho bà phần đất lấn chiếm theo số đo thực tế của Tòa án cấp phúc thẩm ngày 22/02/2019. Xét thấy, bà H trực tiếp quản lý sử dụng thửa đất số 287 và bà B thì trực tiếp quản lý sử dụng thửa đất số 278, cùng tờ bản đồ 03, tọa lạc tại ấp Đ, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng; hai thửa đất này giáp ranh với nhau, thửa 287 được cấp cho hộ ông Phạm Văn U (Ông U là chồng bà H), thửa 278 được cấp cho hộ ông Dương Văn X (Ông X là chồng bà B). Các bên đều đã có thời gian sử dụng đất lâu dài, liên tục, đất có nguồn gốc của ông bà để lại. Nguyên đơn bà H cho rằng phần đất là con mương trước đây khi đào có chiều ngang khoảng 02m, quá trình sử dụng bị xoáy lở rộng thêm nên bị mất một phần quyền sử dụng đất. Do đó, bà H yêu cầu bà B trả lại cho bà phần đất lấn chiếm có chiều ngang theo đo đạc thực tế của Tòa án ngày 22/02/2019, thuộc thửa 287, tờ bản đồ 03, tọa lạc ấp Đ, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Bị đơn bà Huỳnh Thị B thì cho rằng không có lấn chiếm đất của bà H nên không đồng ý trả. Hiện nay trên phần đất tranh chấp đang trồng dừa nước, do các bên cùng trồng và cùng sử dụng. Để có căn cứ xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì phải đo đạc thẩm định hiện trạng đất đang sử dụng của hai thửa đất 287 và 278 để xác định ranh đất giữa bà H và bà B. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Kế Sách có tiến hành thẩm định và định giá phần đất tranh chấp, nhưng các đương sự không đồng ý cho đo tổng thể hai thửa đất 287 và 278 theo yêu cầu của nguyên đơn. Bà B chỉ đồng ý cho đo kéo ranh từ trụ đá giáp đất của bà B và ông Năm G thẳng đến trụ đá giáp lộ đất phía trước nhà để xác định ranh giữa bà B và bà H. Sau đó, Tòa án có động viên nên bà H đồng ý cho đo hết thửa 287, tờ bản đồ 03 nêu trên. Qua đo đạt thì phần đất bà H sử dụng thực tế có tổng diện tích 8.350,2m^2 (Bao gồm 8.091,7m^2 + 258,5m^2 theo sơ đồ thẩm định tại chỗ ngày 22/02/2019) lớn hơn so với Giấy chứng nhận QSDĐ bà được cấp (8.020m^2). Mặt khác, tại Công văn số 169/CV-CNVPĐK ngày 24/11/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Kế Sách xác định hiện không giải thửa được theo diện tích đã ghi trong Giấy chứng nhận QSDĐ của hộ ông Phạm Văn U và hộ ông Dương Văn X do bản đồ được thành lập năm 1992 -1994, được biên tập lại từ ảnh hàng không và số hóa thành bản đồ giải thửa tỷ lệ 1/5.000 nên sai số rất lớn. Để biết chính xác số đo các cạnh thửa đất cần phải thực địa kiểm tra và đo đạc mới xác định được chính xác số đo. Tuy nhiên, phía bà B không cho đo thửa 278, nên không có cơ sở để xác định phần đất tranh chấp nằm bên thửa đất nào. Ngoài ra, theo những người làm chứng phía bà H cung cấp như ông Phạm Văn Ư xác định ranh giữa bà H và bà B trước đây là một cái bờ ngang khoảng 01m, cái bờ là của chung, sau đó cha bà H có đào mương ngang khoảng 02m và chừa ranh 0,5m (Nằm trong ½ bờ ranh), nhưng ông Ư là anh chồng của bà H, nên lời khai không mang tính khách quan; còn theo ông Trần Văn P xác định ranh giữa bà H và bà B là cái bờ chung ngang khoảng 0,7m, cha chồng bà H có đào cái mương ngang 1,5m, quá trình sử dụng thì cái mương này bị lở cả hai bên. Theo đo đạc thẩm định tại chỗ ngày 22/02/2019 xác định từ mé mương phía bà H tới vị trí các trụ cây cặm làm điểm cố định (Ranh không tranh chấp) có chiều ngang các đoạn từ 2,92m, 2,25m và 3,93m, phần còn lại đang tranh chấp là đất bãi bồi không phải là mương và hiện trạng cái bờ hiện nay cũng không còn. Như vậy, phần con mương hiện nay không có tranh chấp đều lớn hơn rất nhiều so với con mương lúc đào. Mặt khác, bà H xác định việc cấp giấy chứng nhận QSDĐ

cho chồng bà là cấp đại trà không có đo đạc thực tế nên không biết ranh đất tới đâu. Chính vì vậy, việc bà H yêu cầu phía bà B và các con trả thêm phần đất tính từ các trụ cây cố định hết mương qua phía bà B chiều ngang các đoạn từ 2,51m, 2,52m và 2,03m là không có căn cứ để chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà H cho rằng tại phiên tòa bà B đưa ra 02 hướng giải quyết thì hướng giải quyết nào cũng thể hiện có sự lấn ranh sang đất của bà. Tuy nhiên, lời trình bày này là chỉ một phía, không có chứng cứ chứng minh và bà H cũng không đồng ý theo hai hướng bà B đưa ra, nên Tòa án không có tiến hành đo đạc thẩm định theo hai hướng như vừa nêu. Vì vậy, không có cơ sở để HĐXX xem xét. Ngoài ra, bà H cho rằng vụ án này trước đây đã xét xử rồi và bị hủy án về xử lại. Tại bản án phúc thẩm số 230/2016/DS-PT, ngày 23/11/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng thì bà B đồng ý và tự nguyện về việc xác định ranh đất cách bờ đất của bà H trở qua đất bà B từ 2m trở lên, có đoạn là 3,7m là mặc nhiên bà B thừa nhận có lấn chiếm, sử dụng một phần đất theo nguyên đơn yêu cầu. Tuy nhiên, hiện trạng các trụ phân ranh đã cắm theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và sơ đồ hiện trạng ngày 13/8/2015 cũng như sơ đồ minh họa xác định ranh đất kèm theo Bản án số 45/2016/DS-ST ngày 08/6/2016 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách đã không còn đúng hiện trạng ban đầu, vì các trụ không cố định, không có điểm gửi, mỗi lần thẩm định đều có vị trí khác nhau, nên không có cơ sở để xác định.

[5] Từ những nhận định nêu trên, thấy rằng toàn bộ kháng cáo của bà H về việc yêu cầu sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà là không có căn cứ để HĐXX chấp nhận. Tuy nhiên, HĐXX sẽ xác định ranh giữa bà H và bà B để các bên đương sự có cơ sở sử dụng ranh đúng hiện trạng thửa đất trên thực tế và đảm bảo vụ án được giải quyết dứt điểm. Còn đối với lá dừa nước nằm bên phần đất của ai thì người đó quản lý sử dụng không có tranh chấp.

[6] Tại phần Quyết định của bản án sơ thẩm chưa tuyên tứ cạnh của phần đất bác yêu cầu, nên cấp phúc thẩm bổ sung cho đầy đủ.

[7] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự là chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có cơ sở chấp nhận như vừa nhận định.

[8] Về chi phí them xét, thẩm định tại chỗ ở cấp phúc thẩm: Tổng chi phí số tiền 8.116.000 đồng. Do yêu cầu kháng cáo của bà H không được HĐXX chấp nhận, nên bà H phải chịu theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và bà H đã nộp xong.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị H không được chấp nhận nên bà H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Nhưng bà H là người cao tuổi nên được miễn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[10] Đối với lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm về việc đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên

bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách là có căn cứ, nên được HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị H.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2018/DS-ST ngày 18/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng về việc tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất *(Ranh đất)*. Án tuyên như sau:

Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H về việc yêu cầu bị đơn bà Huỳnh Thị B trả lại cho bà phần đất lấn chiếm có chiều ngang 4m, chiều dài 78m (Theo sơ đồ thẩm định ngày 22/02/2019), thuộc thửa 287, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp Đ, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, do hộ ông Phạm Văn U đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có số đo tứ cạnh như sau: Hướng đông giáp với thửa 278 và thửa 287, có số đo 0m. Hướng tây giáp với ông Năm G, có số đo 2,51m. Hướng nam giáp với thửa 287, có số đo 29,69m + 20,71m + 19,27m. Hướng bắc giáp với 278, có số đo 29,60m + 20,61m + 18,94m.

Xác định ranh đất giữa bà Trần Thị H với bà Huỳnh Thị B theo các trụ đã cặm theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 22/02/2019 như sau: Từ cọc A (Cọc cố định giáp ranh giữa bà H với ông Năm G) kéo thẳng đến cọc B có số đo 19,27m (Tính từ cây dừa giáp mé mương trên đất bà H đến cọc B có số đo 4,63m); từ cọc B kéo thẳng đến cọc C có số đo 20,71m (Tính từ cây cóc trên đất bà H đến cọc C có số đo 20,81m); từ cọc C kéo thẳng đến cọc cây 5 có số đo 29,69m (Tính từ cây cóc trên đất bà H đến cọc cây 5 có số đo 15,2m và nếu tính từ cây dừa trên đất bà H đến cọc cây 5 có số đo 12,5m); còn cọc cây 4 và trụ đá 2 không có tranh chấp; còn đối với lá dừa nước nằm bên phần đất của ai thì người đó quản lý sử dụng không có tranh chấp (Đính kèm sơ đồ vị trí hiện trạng thửa đất ngày 22/02/2019).

3. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ ở cấp phúc thẩm: Tổng chi phí số tiền 8.116.000 đồng, bà Trần Thị H phải chịu và đã nộp xong.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị H được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

5. Các phần khác của bản án sơ thẩm *(Tại số 2 và 3 trong phần tuyên xử)* không có kháng cáo, kháng nghị, không ghi trong phần quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 *(Được sửa đổi, bổ sung năm 2014)*, thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Toàn